

**TÒA PHÚC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-PT

Ngày: 22/01/2026

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Thường**

*Các thẩm phán:* Ông **Phùng Anh Dũng**

Ông **Đặng Kim Nhân**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2025/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2025; về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 306A/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị M; sinh năm: 1939; cư trú tại: D Hồ T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là D Hồ T, phường Q, tỉnh Gia Lai); vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị G, sinh năm 1971; trú tại: Tồ G, khu phố C, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Hồng N; C3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; có mặt.

**- Bị đơn:**

+ Ông Trương Văn N1, sinh năm: 1967;

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1969;

Cư trú tại: C X, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là C X, phường Q, tỉnh Gia Lai); có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: P, phường H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trương Thị L, sinh năm: 1935; cư trú tại: F N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là F N, phường Q, tỉnh Gia Lai), vắng mặt.

+ Ông Trương Văn M1, sinh năm: 1969; cư trú tại: Tổ E, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay thuộc Tổ E, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Gia Lai); có mặt.

+ Bà Trương Thị H, sinh năm: 1948; cư trú tại: B T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là B T, phường Q, tỉnh Gia Lai); có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trương Thị T, sinh năm: 1955; cư trú tại: H T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là : 83 T, phường Q, tỉnh Gia Lai), có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Trương Thị L1, sinh năm: 1959.

+ Bà Trương Thị L2, sinh năm: 1970.

Cùng cư trú tại: C T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là C T, phường Q, tỉnh Gia Lai).

+ Ông Trương Văn N2; cư trú tại: Tổ C, KV. 6, P.Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là phường T, tỉnh Gia Lai), vắng mặt.

+ Bà Trương Thị T1, sinh năm: 1953; cư trú tại: Thôn B, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

+ Bà Trương Thị M2; cư trú tại: C N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là C N, phường Q, tỉnh Gia Lai), vắng mặt.

+ Ông Trương Ngọc A.

+ Bà Khổng Thị Bích Đ.

+ Chị Trương Thị Túy H1.

+ Anh Trương Ngọc H2.

Cùng cư trú tại: A N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là A N, phường Q, tỉnh Gia Lai).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông N2, bà M2, ông A bà Đ, chị H1:* Anh Trương Ngọc H2; có mặt.

+ Ông Diệp Hữu H3; cư trú tại: E B, thành phố Q (Nay là E B, phường Q, tỉnh Gia Lai), có mặt.

+ Ông Diệp Hữu N3, sinh năm: 1957; cư trú tại: Phường Q, Tp ., tỉnh Quảng Ngãi (Nay là phường N, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

+ Ông Michael Huang D (Diệp Hữu H4), sinh năm: 1955; cư trú tại: D Ketch Ct Lexing T 20653 USA, vắng mặt.

+ Ông Diệp Hữu P1; cư trú tại: A Ada Street Canley V, Australia, vắng mặt.

+ Bà Diệp Thị Minh L3, sinh năm: 1961; cư trú tại: E H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là E H, phường Q, tỉnh Gia Lai) , vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông N3, ông H4, ông P1, bà L3: Ông Diệp Hữu H3; có mặt.*

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị M, bị đơn ông Trương Minh N4 và bà Nguyễn Thị S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L và ông Diệp Hữu H3

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày:*

Về hàng thừa kế: Cha mẹ bà là cụ Trương Đ1 (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) có 06 người con gồm: Bà Trương Thị M. Bà Trương Thị M3 (chết ngày 04/5/2019), không có chồng, con. Bà Trương Thị L. Trương Đuốc (chết năm 1980) có vợ là Mai Thị B (chết 1998). Ông Đ3 bà B có 06 người con: Ông Trương Văn M1, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T, bà Trương Thị L1, bà Trương Thị L2, ông Trương Văn N1. Ông Trương T2 (chết năm 2005) có vợ là bà Nguyễn Thị B1 (đã chết). Ông T2 và bà B1 có 05 con là ông Trương Văn N2, bà Trương Thị T1, bà Trương Thị M2, ông Trương Ngọc A; Ông Trương Văn H5 (chết sau ông Trương T2) có vợ là bà Khổng Thị Bích Đ và có 02 người con là chị Trương Thị Túy H1 và anh Trương Ngọc H2. Bà Trương Thị S1 (chết năm 2015) có chồng là Diệp Hữu D1 (đã chết). Bà S1 và ông D1 có 05 người con là ông Diệp Hữu H3, ông Diệp Hữu N3, ông Michael Huong D, ông Diệp Hữu P1, bà Diệp Thị Minh L3. Những người đã chết không có con riêng, cha mẹ nuôi, con nuôi, chết không để lại di chúc.

Về di sản thừa kế: Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Cha mẹ bà để lại nhà đất diện tích 75,8m<sup>2</sup> địa chỉ số C đường X, thuộc tổ C khu V, phường T, Tp . hiện vợ chồng ông Trương Văn N1, bà Nguyễn Thị S đang quản lý, sử dụng. Nhà đất chưa được cấp GCNQSD đất và không thể thế chấp tại cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Cha mẹ bà không để lại di chúc.

Nguồn gốc di sản: Nguồn gốc đất do cha mẹ bà khai hoang và sử dụng trước năm 1945. Cha mẹ bà khai hoang, sử dụng và xây nhà trên đất ở cho tới lúc chết, không có nhà đất nào khác. Các anh chị em bà được sinh ra và sinh sống trên mảnh đất này cho đến khi lập gia đình thì ra ở riêng. Bà M3 không có chồng con nên tiếp tục ở chung với cha mẹ. Sau khi cha chết, mẹ và bà M3 sử dụng nhà đất này. Mẹ chết thì bà M3 tiếp tục ở. Sau đó ông Đ3, bà Bùi B2 nhà khu vực 5, phường T, Tp . cùng vợ con về ở cùng bà M3 để lo nhang khói cho ông bà cha mẹ. Sau khi ông Đ3, bà Bùi C2, bà M3 cùng vợ chồng ông N1 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất này và thờ cúng ông bà.

Nguyên thủy nhà đất này diện tích 229,95m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 189 tờ Bản đồ 22 tọa lạc tại tổ C, khu V, phường T, Tp .. Năm 2001, nhà nước giải tỏa làm đường X thu hồi 101,94m<sup>2</sup>. Còn lại 128,1m<sup>2</sup>, trong đó: ông M1 sử dụng 51,5m<sup>2</sup>, ông N1 sử dụng 75,8m<sup>2</sup>. Phần đất bị giải tỏa được nhà nước cấp đền bù 01 lô đất 80m<sup>2</sup> tại khu B, phường G, Tp .. Vì nhà của cha mẹ để lại đã cũ nên các anh chị em thống nhất bán lô đất 80m<sup>2</sup> tại khu B, phường G, Tp . để xây lại nhà Xuân D2 như hiện nay. Tuy nhiên, năm 2015 vợ chồng ông N1 làm thủ nhận di sản thừa kế nhà này. Ủy ban nhân dân phường T niêm yết thủ tục thì gia đình khiếu nại ngăn chặn việc làm trái pháp luật của ông N1.

Yêu cầu của nguyên đơn: yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 75,8m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ C X, Q cho 05 thừa kế. Bà không yêu cầu hiện vật vì bà đã có chỗ ở ổn định, vợ chồng ông N1 không có chỗ ở nào khác và đã sinh sống trên đất này từ lâu nên giao nhà đất cho vợ chồng ông N1 làm ăn. Ông N1 dù gì cũng có công sức bảo quản di sản nên bà đồng ý trích 01 phần là công sức bảo quản di sản cho ông N1 tương ứng 01 kỷ phần. Ông N1 nhận đất thì phải thanh toán lại cho các thừa kế.

Về nhà: Nhà hiện nay có một phần từ tiền bán lô đất được đền bù đất của cha mẹ, lô đất 80m<sup>2</sup> tại khu B, phường G, Tp .. Lô đất này được bán giá 450.000.000đ, trong đó: gia đình thống nhất cho chị L3 150.000.000đ, để lại 300.000.000đ để cất nhà như hiện nay. Quá trình sử dụng vợ chồng ông N1 có chi phí để sửa thêm phần phía trên. Bà không yêu cầu chia thừa kế nhà, mà để nhà cho vợ chồng ông N1, bà S sở hữu, sử dụng thờ cúng và làm ăn.

*Bị đơn ông Trương Văn N1, bà Nguyễn Thị S trình bày:* Thống nhất ông bà nội là cụ Trương Đ1 (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) và thống nhất hàng thừa kế của cụ Đ1, cụ C1 như bà M trình bày. Tuy nhiên, nhà đất này là di sản của cha mẹ ông để lại vì Nhà đất này trước đây ông bà nội ông là ông Trương Đ1 (chết năm 1945), bà Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) sinh sống. Nhưng sau năm 1975 cha mẹ ông quản lý sử dụng nhà đất này, lúc này nhà nội chỉ còn cô ruột là bà Trương Thị M3 sinh sống cùng cha mẹ ông. Sau khi cha mẹ ông chết thì bà M3 và vợ con ông tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất này. Suốt thời gian cha mẹ và các anh chị em ông sinh sống tại nhà đất này, các cô chú bác ruột không ai sinh sống tại nhà đất này trừ cô M3. Quá trình sử dụng nhà đất mẹ ông là Mai Thị B đã đăng ký kê khai toàn bộ nhà đất này và có tên trong hồ sơ kỹ thuật của UBND phường T ngày 5/7/1998 diện tích 229,95m<sup>2</sup> đất ở. Và bà Bùi Đ2 thuê đất toàn bộ diện tích đất này từ trước đến nay nên nhà đất này là di sản của cha mẹ ông để lại. Sau khi bà Bùi C2 thì ông đóng thuế đất hằng năm. Quá trình sử dụng vợ chồng ông nhiều lần sửa chữa nhà đất này.

Nhà đất hiện nay do vợ chồng ông bỏ ra xây dựng. Nguồn tiền xây dựng từ việc bán thửa đất tại khu B, phường G, Tp .. Các con ông không có đóng góp về tiền bạc.

Nhà đất của cha mẹ ông để lại, có kê khai hồ sơ kỹ thuật tại phường T năm 1998 nên tôi không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Ông Nguyễn Hải A1 là đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị L, ông Diệp Hữu H3 là đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Hữu N3, ông Michael Huong D, ông Diệp Hữu P1, bà Diệp Thị Minh L3 thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà M, không bổ sung gì thêm.

2. Bà Trương Thị T1 trình bày: Bà là con ông Trương Tỏ. Ông Trương Đ3, bà Trương Thị M, Trương Thị M3 là em ruột của ba tôi. Ông Trương Văn N1 là con nhà chú nhà bác của tôi. Nguồn gốc nhà đất số C X do ông bà nội tôi tạo lập. Ông bà nội tôi sống tại nhà đất đó cùng bà Trương Thị M3 cho đến khi ông bà nội tôi chết. Bà không biết vào thời điểm ông bà nội còn sống, vợ chồng ông Trương Đ3 có sống tại nhà đất này không. Nhưng sau khi ông bà nội chết thì vợ chồng ông Trương Đ3 cùng các con và bà Trương Thị Minh S2 và quản lý, sử dụng. Sau khi vợ chồng ông Trương Đ3 chết, vợ chồng con cái ông N1 và bà M3 tiếp tục sống tại nhà đất này. Bà M3 không lấy chồng nên khi còn trẻ sống cùng ông bà nội, sau đó sống cùng vợ chồng ông Đ3. Khi vợ chồng ông Đ3 chết, vợ chồng ông N1 phụng dưỡng, chăm sóc bà M3 cho đến khi bà M3 chết năm 2019. Trường hợp được chia thừa kế, bà giao lại phần bà cho các em bà là Trương Văn N2, Trương Thị M2, Trương Thị A2, Trương Văn H5. Bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

3. Bà Trương Thị T, Trương Thị H trình bày: Bà là con của ông Trương Đ3, chị của ông Trương Minh N4. Trước đây cha mẹ bà sống ở mảnh đất này tính đến nay khoảng 60 năm. Cha mẹ chết còn lại chị em bà ở. Sau khi chị em gái đi lấy chồng để lại cho em trai bà ở thờ cúng ông bà tổ tiên. Hiện nay Trương Minh N4 ở chung với bà Trương Thị M3 không có chồng. Cho đến hôm nay bà nghĩ là nhà của cha mẹ bà. Ông N4 là người thừa kế.

4. Bà Nguyễn Thị S trình bày: Thừa đất 189 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại tổ C, khu V, phường T, Q là của cha mẹ chồng bà ở và để lại cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà như hiện nay.

5. Bà Không Thị Bích Đ, chị Trương Thị Túy H1, anh Trương Ngọc H2 trình bày: Ông Trương Văn H5 là chồng bà Đ, là cha chị H1, anh H2. Nếu ông H5 được chia thừa kế thì bà Đ và chị H1, anh H2 yêu cầu được chia bằng giá trị.

***Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) quyết định:***

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trương Thị M.

1. Ông Trương Văn N1 được quyền sử dụng diện tích 75,8m<sup>2</sup> đất, địa chỉ: Số C đường X, Tp . thuộc tổ C, khu V, phường T, Tp ., tỉnh Bình Định. Trên đất có nhà thuộc sở hữu chung của ông Trương Văn N1, bà Nguyễn Thị S. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Trương Văn N1 có nghĩa vụ thanh toán cho:

- Bà Trương Thị M 2.707.142.800đ.

- Bà Trương Thị L 2.707.142.800đ.

- Ông Trương Văn M1; bà Trương Thị H; bà Trương Thị T; bà Trương Thị L1; bà Trương Thị L2 mỗi người 451.190.500đ.

- Ông Trương Văn N2; bà Trương Thị M2; ông Trương Ngọc A mỗi người 676.785.700đ.

- Chị Trương Thị H1 và anh Trương Huy H6 676.785.700đ.

- Ông Diệp Hữu H3; ông Diệp Hữu N3; ông Michael Huong D; ông Diệp Hữu P1; bà Diệp Thị Minh L3 mỗi người 541.428.500đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2025, nguyên đơn bà *Trương Thị M* và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà *Trương Thị L* và ông *Diệp Hữu H3* kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận gia đình bị đơn *Trương Minh N4* được hưởng 01 phần thêm do tính công sức đóng góp quản lý, bảo quản di sản và yêu cầu chia thừa kế thành 6 phần bằng nhau, trong đó phần của bà *Trương Thị M3* (đã chết) thì chia cho các anh chị em còn lại (hàng thừa kế thứ 2).

Ngày 25/5/2025, bị đơn ông *Trương Minh N4* và bà *Nguyễn Thị S* kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Bản án dân sự phúc thẩm số 253/2022/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:***

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà S.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà M, bà L và ông H3.

- Chấp nhận kháng cáo của ông N4 sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

***Quyết định giám đốc số 15/2025/DS-GĐT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định:***

- Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 253/2022/DS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M, bà L và ông H3 tự nguyện rút đơn kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; còn Luật sư cũng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông N4, bà S và người đại diện theo ủy quyền của ông N4, bà S không rút đơn kháng cáo đều thống nhất đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận rút đơn kháng cáo của bà M, bà L và ông H3; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông N4 và bà S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M, bà L và ông H3 tự nguyện rút đơn kháng cáo là phù hợp khoản 1,2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà M, bà L và ông H3.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh N4 và bà Nguyễn Thị S; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Án sơ thẩm xác định nhà đất số C đường X diện tích 75,8m<sup>2</sup> là di sản của cụ Trương Đ1 (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) để lại là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ:

[1.1] Các đương sự thống nhất diện tích 75,8m<sup>2</sup> nhà đất số C đường X, Tp.Quy Nhơn thuộc thửa đất số 189 tờ bản đồ số 22 thuộc tổ C, khu V, phường T, Tp .. Nguyên thủy thửa đất số 189 diện tích 229,95m<sup>2</sup>. Năm 2001, nhà nước giải tỏa làm đường X thu hồi 101,94m<sup>2</sup> đất. Diện tích còn lại 128,1m<sup>2</sup>, trong đó: ông M1 sử dụng M1 51,5m<sup>2</sup> và đã chuyển nhượng cho người khác. Ông N4 sử dụng 75,8m<sup>2</sup>.

[1.2] Theo Bản bản đối chất ngày 18/3/2021 ông N4, bà S khai “*Nhà đất này trước đây ông bà nội tôi là ông Trương Đ1 (chết năm 1945), bà Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) sinh sống. Sau khi ông bà nội tôi chết, các anh chị em tôi theo cha mẹ tôi là ông Trương Đ3 (chết năm 1980), mẹ Mai Thị B (chết năm 1998) về sinh sống tại nhà của ông bà nội tôi*”. Như vậy, nhà đất này hình thành từ năm 1954, trước thời điểm ông N4 được sinh ra. Và ông ơi, bà T3 xác nhận năm 1975 cha ông Nam bán nhà cho gia đình ông O, bà T3. Sau khi bán nhà gia đình ông N4 chuyển về sống tại nhà cụ Đ1, cụ C1 là có cơ sở xác định từ năm 1975 trở về sau cha mẹ ông N4 mới về sinh sống tại nhà này.

[2] Về hàng thừa kế: cụ Trương Đ1 (chết năm 1945) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1975) có 06 người con gồm: Bà Trương Thị M; bà Trương Thị M3 chết ngày 04/5/2019 không có chồng, con; bà Trương Thị L; ông Trương Đ3 chết có các con (ông Trương Văn M1, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T, bà Trương Thị L1, bà Trương Thị L2, ông Trương Văn N1); ông Trương T2 chết có các con (ông Trương Văn N2, bà Trương Thị T1 từ chối không nhận, để lại cho các em, bà Trương Thị M2, ông Trương Ngọc A, chị Trương Thị H1 và anh Trương Huy H6 là thừa kế thế vị của ông Trương Văn H5); bà Trương Thị S1 chết có các con ông Diệp Hữu H3; ông Diệp Hữu N3; ông Michael Huong D; ông Diệp Hữu P1; bà Diệp Thị Minh L3.

[3] Án sơ thẩm đã phân chia di sản giao cho ông N1 nhận đất và có nghĩa vụ thanh toán lại: Bà Trương Thị M 2.707.142.800đ; bà Trương Thị L 2.707.142.800đ; ông Trương Văn M1, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T, bà

Trương Thị L1, bà Trương Thị L2 451.190.500đ/phần; ông Trương Văn N2, bà Trương Thị M2, ông Trương Ngọc A, (chị Trương Thị H1 và anh Trương Huy H6) 676.785.700đ/phần; ông Diệp Hữu H3, ông Diệp Hữu N3, ông Michael Huong D, ông Diệp Hữu P1, bà Diệp Thị Minh L3 541.428.500đ/phần. Thấy rằng những người được phân chia di sản không cáo và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất giá trị di sản như án sơ thẩm đã áp dụng không yêu cầu định giá lại.

[4] Sau khi xét xử phúc thẩm ngày 16/12/2022, ông N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó ông N1 thế chấp vay tiền Ngân hàng, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận này là cũng phù hợp với việc chia di sản giao ông N1 tiếp tục được quyền sử dụng đất, chỉ thối lại giá trị cho các người thừa kế.

[5] Ngoài ra, phần nhận định Bản án sơ thẩm ghi tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 8.000.000.000 đồng là đánh máy nhầm, thực tế là 8.000.000 đồng.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn ông N1 và bà S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[7] Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông N1 và bà S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; ông H3, bà L và bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh N4 và bà Nguyễn Thị S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Ông Trương Minh N4 và bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào Biên lai nộp tiền

tạm ứng án phí số 0000164 ngày 09/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, bà S đã nộp.

2.2. H7 lại cho ông Diệp Hữu H3 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai nộp tiền số 0000170 ngày 14/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thường**